

THỰC TRẠNG CHĂM SÓC DINH DƯỠNG CHO BỆNH NHÂN TAI BIẾN MẠCH MÁU NÃO ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THÁI BÌNH NĂM 2018 - 2019

Vũ Thị Dung¹, Phạm Thị Dung², Phan Hương Dương³, Trần Khánh Thu⁴

Nghiên cứu cắt ngang được thực hiện nhằm mô tả thực trạng chăm sóc dinh dưỡng cho 133 bệnh nhân tai biến mạch máu não đang điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình, thông qua quan sát, đánh giá hoạt động chăm sóc dinh dưỡng tại bệnh viện cùng với phỏng vấn 106 người nhà chăm sóc bệnh nhân tại thời điểm bệnh nhân nhập viện trong 24 h đầu. Thời gian thực hiện nghiên cứu: 12/2018- 2/2019. Kết quả: Khoảng 96,2% bệnh nhân được hỏi tiền sử về dinh dưỡng, 81,2% bệnh nhân được xét nghiệm đánh giá TTDD, 98,5% bệnh nhân được sàng lọc, đánh giá TTDD, 100% bệnh nhân được kết luận TTDD; 82,7% bệnh nhân hài lòng với suất ăn được phục vụ tại viện.

Từ khóa: *Thực trạng chăm sóc dinh dưỡng, tai biến mạch máu não, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Suy dinh dưỡng (SDD) ở bệnh nhân nằm viện là một vấn đề khá phổ biến ở cả các quốc gia đang phát triển và đã phát triển trên thế giới. Tỷ lệ mắc SDD dao động tùy theo các quốc gia và các loại bệnh lý. Tỷ lệ mắc có thể từ 20% cho đến trên 90%. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh việc chăm sóc sinh dưỡng tốt giúp nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh, kết quả điều trị, cải thiện chi phí điều trị, quá tải và nằm ghép trong bệnh viện [1, 2, 3]. Đối với bệnh nhân bị tai biến mạch máu não (TBMMN), ngoài các vấn đề dinh dưỡng thường thấy như ở các nhóm đối tượng khác thì vấn đề khó khăn trong ăn uống đường miệng (do liệt, nuốt khó...) là khá phổ biến gây ảnh hưởng tới việc cung cấp dinh dưỡng cho bệnh nhân. Do đó, việc thực hiện các can thiệp chăm sóc dinh dưỡng cho bệnh nhân trong khi nằm viện là rất cần thiết

để hỗ trợ quá trình điều trị và hồi phục bệnh tốt hơn. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Thực trạng chăm sóc dinh dưỡng cho bệnh nhân tai biến mạch máu não điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình năm 2018 – 2019”, với mục tiêu mô tả được thực trạng các hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho đối tượng bệnh nhân là người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên tại bệnh viện.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm, thời gian, đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

+ Bệnh nhân TBMMN từ 65 tuổi trở lên điều trị nội trú tại khoa Nội Thần kinh, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình.

Tiêu chuẩn loại trừ: Những đối tượng không thực hiện phỏng vấn được: ngênh ngãng, lú lẫn, bệnh nhân nặng

¹Trường Đại học Y Dược Thái Bình,

Email:minhthoidh@gmail.com

²TS. - Trường Đại học Y Dược Thái Bình

³TS. - Bệnh viện Nội tiết Trung ương

⁴TS. - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình

Ngày gửi bài: 15/4/2019

Ngày phản biện đánh giá: 20/4/2019

Ngày đăng bài: 31/5/2019

đang trong giai đoạn cấp cứu, bệnh nhân tai biến mạch não nhập viện điều trị bệnh khác, bệnh nhân không đồng ý tham gia nghiên cứu.

+ Người nhà chăm sóc bệnh nhân tai biến mạch máu não trên 65 tuổi đã được chọn vào nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Những người không thường xuyên chăm sóc bệnh nhân, từ chối phỏng vấn.

Thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2018 đến tháng 2/2019.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành theo phương pháp dịch tễ học mô tả qua cuộc điều tra cắt ngang.

2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

Tính cỡ mẫu theo công thức:

$$n = \frac{Z^2 \cdot p(1-p)}{(\epsilon p)^2}$$

Trong đó:

- n: cỡ mẫu nghiên cứu
- Z: Độ tin cậy lấy ở ngưỡng $\alpha = 0,05$ ($Z_{1-\alpha/2} = 1,96$)
- p: Tỷ lệ suy dinh dưỡng ở bệnh nhân nằm viện, ước tính 45%
- ϵ : chọn $\epsilon = 0,2$
- Cỡ mẫu tối thiểu theo tính toán là

118 đối tượng. Thực tế, nghiên cứu đã tiến hành điều tra trên 133 bệnh nhân và phỏng vấn 106 người chăm sóc thường xuyên cho bệnh nhân tại bệnh viện.

2.3. Kỹ thuật áp dụng trong nghiên cứu

Phỏng vấn

- Điều tra viên: được tập huấn kỹ về kỹ năng sử dụng công cụ điều tra: bảng kiểm, bảng hỏi và kỹ năng thu thập số liệu.

- Sau khi được tập huấn, các điều tra viên tiến hành điều tra thử trước khi bắt đầu nghiên cứu, các công cụ và bảng hỏi sẽ được điều chỉnh cho phù hợp, nhưng đảm bảo đúng theo các tiêu chí đánh giá. Các điều tra viên được phân công theo nhóm để thu thập số liệu.

- Người chăm sóc bệnh nhân trong nhóm đối tượng nghiên cứu được giải thích rõ về mục đích ích lợi của việc tham gia nghiên cứu, yêu cầu và cách tiến hành nghiên cứu và có quyền tự lựa chọn tham gia không có sự ép buộc điều kiện liên quan đến điều trị tại bệnh viện.

- Cuối cùng, các điều tra viên sẽ tiến hành phỏng vấn các bệnh nhân dựa trên bộ câu hỏi in sẵn và đã được tập huấn.

2.4. Xử lý số liệu: Làm sạch số liệu từ phiếu. Số liệu được nhập bằng phần mềm Epi-Data. Các số liệu thu thập được xử lý bằng phần mềm SPSS 13.0.

III. KẾT QUẢ

Bảng 1. Thực trạng hoạt động đánh giá TTDD của bệnh nhân (%)

Các biến số	Nam (n = 78)		Nữ (n = 55)		Chung (n = 133)	
	TS	%	TS	%	SL	%
Hỏi tiền sử dinh dưỡng	74	94,9	54	98,2	128	96,2
Xét nghiệm đánh giá TTDD	56	71,8	52	94,5	108	81,2
Sàng lọc, đánh giá TTDD	76	97,4	55	100	131	98,5
Kết luận TTDD	78	100	55	100	133	100

Kết quả Bảng 1 về thực trạng hoạt động đánh giá TTDD cho thấy có khoảng 96,2% bệnh nhân được hỏi tiền sử dinh dưỡng, 81,2% bệnh nhân được làm xét

nghiệm đánh giá TTDD, 98,5% bệnh nhân được sàng lọc, đánh giá TTDD và 100% bệnh nhân được kết luận về TTDD.

Bảng 2. Tỷ lệ bệnh nhân được chỉ định, giải thích chế độ ăn (%)

	Nam (n = 78)		Nữ (n = 55)		Chung (n = 133)	
	TS	%	TS	%	SL	%
Chỉ định chế độ ăn bệnh lý	55	70,5	30	54,5	85	63,9
Giải thích chế độ ăn	60	76,9	35	63,6	95	71,4

Tỷ lệ bệnh nhân được chỉ định, giải thích chế độ ăn bệnh lý là 63,9%, trong đó tỷ lệ bệnh nhân nam là 70,5%, tỷ lệ bệnh nhân nữ là 54,5%; có 71,4% bệnh

nhân được giải thích chế độ ăn cụ thể có 76,9% bệnh nhân nam và 63,6% bệnh nhân nữ.

Bảng 3. Địa điểm cung cấp suất ăn cho bệnh nhân (%)

Địa điểm	Số lượng (n = 106)	Tỷ lệ %
Nhà ăn bệnh viện	78	73,6
Nhà	23	21,7
Quán ăn ngoài bệnh viện	5	4,7

Theo kết quả tại bảng 3 cho thấy có 73,6% trường hợp lựa chọn nhà ăn bệnh viện để cung cấp thức ăn cho bệnh nhân,

21,7% trường hợp lựa chọn mang thức ăn từ nhà đến và 4,7% bệnh nhân mua thức ăn tại các quán ăn ngoài bệnh viện.

Bảng 4. Tỷ lệ bệnh nhân hài lòng với suất ăn được phục vụ tại bệnh viện (%)

Mức độ	Nam	Nữ	Chung
Hài lòng	84,6%	80%	82,7%
Không hài lòng	15,4%	20%	17,3%

Kết quả bảng 4 cho thấy tỷ lệ bệnh nhân hài lòng với suất ăn được phục vụ tại bệnh viện khá cao 82,7%, trong đó có 84,6% bệnh nhân nam hài lòng và

80% bệnh nhân nữ hài lòng; khoảng 15,4% bệnh nhân nam không hài lòng với suất ăn được cung cấp, tỷ lệ này ở nữ là 20% và chung cho cả hai giới là 17,3%.

Bảng 5. Chế độ ăn thực tế và nguồn cung cấp thông tin về chế độ ăn cho bệnh nhân (%)

		Nam (n = 66)		Nữ (n = 40)		Chung (n = 106)	
		TS	%	TS	%	TS	%
Chế độ ăn	Ăn cơm	66	100	39	97,5	105	99,1
	Ăn cháo	0	0	1	2,5	1	0,9
Nguồn thông tin	Người thân	6	9,1	4	10,0	10	9,4
	Bác sỹ	66	100	40	100	106	100
	Điều dưỡng	64	97,0	40	100	104	98,1
	Khác	7	10,6	3	7,5	10	9,4

Kết quả bảng 5 cho thấy tỷ lệ bệnh nhân ăn cơm là 99,1% và 0,9% ăn cháo . Nguồn cung cấp thông tin về chế độ ăn

cho bệnh nhân là bác sỹ: 100%, là điều dưỡng là 98,1% và từ các nguồn thông tin khác là 9,4% .

Bảng 6. Tỷ lệ bệnh nhân đã được thực hiện các loại can thiệp dinh dưỡng (%)

Can thiệp dinh dưỡng	Số lượng (n = 106)	Tỷ lệ
Ăn qua Sonde	28	26,4
Tiêm truyền chất dinh dưỡng	87	82,1
Uống bổ sung vi chất	63	59,4
Khác	2	1,9

Kết quả bảng 6 cho thấy khoảng 26,4% bệnh nhân được can thiệp ăn qua Sonde, 82,1% bệnh nhân được tiêm

truyền chất dinh dưỡng, 59,4% bệnh nhân được uống bổ sung vi chất và 1,9% bệnh nhân được thực hiện các can thiệp khác.

Bảng 7. Ý kiến của người chăm sóc bệnh nhân về vấn đề tư vấn dinh dưỡng của cán bộ y tế (%)

Ý kiến của người nhà bệnh nhân		Nam (n = 66)		Nữ (n = 40)		Chung (n = 106)	
		TS	%	TS	%	TS	%
TVDD suốt quá trình nằm viện	Có	64	97,0	39	97,5	103	97,2
	Không	2	3,0	1	2,5	3	2,8
Thời điểm nhắc chế độ ăn bệnh lý	Trong quá trình điều trị	66	100	40	100	106	100

Kết quả bảng 7 cho thấy có 97,2% người chăm sóc bệnh nhân được tư vấn dinh dưỡng suốt quá trình nằm viện, chỉ có 2,8% người chăm sóc bệnh nhân không được tư vấn; Tất cả (100%) các trường hợp được nhắc chế độ ăn bệnh lý trong quá trình điều trị.

BÀN LUẬN

Nghiên cứu đánh giá thực trạng chăm sóc dinh dưỡng cho bệnh nhân TBMMN tại bệnh viện, kết quả cho thấy có 96,2% bệnh nhân đã được hỏi tiền sử dinh dưỡng, 81,2% bệnh nhân được làm xét nghiệm đánh giá TTDD, 98,5% bệnh nhân được sàng lọc, đánh giá TTDD và

100% bệnh nhân được kết luận TTDD. Kết quả này cao hơn kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Khánh Thu cũng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình giai đoạn 2014, 2015 [2]. Điều này chứng tỏ sau 3 năm, hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho bệnh nhân tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình đã được cải thiện đáng kể. Kết quả này của chúng tôi cũng cao hơn nghiên cứu tại hai bệnh viện ở Queensland của Úc trên các bệnh nhân người trưởng thành có nguy cơ bị loét do tỳ đè là 59% [4].

Tỷ lệ bệnh nhân được chỉ định, giải thích chế độ ăn bệnh lý là 63,9% và 71,4% bệnh nhân được giải thích chế độ ăn. Kết quả này cao hơn hẳn so với nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương (tỷ lệ là 4% ở nhóm bệnh nhân mới nhập viện trong vòng 48 giờ có độ tuổi từ 16 đến 85 tuổi, trừ các bệnh nhân mắc các bệnh cấp tính, cấp cứu) [5].

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy nguồn cung cấp thông tin về chế độ ăn cho bệnh nhân là bác sỹ chiếm 100%, tương đương với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Khang và Nguyễn Đỗ Huy tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương đã đề cập ở trên nguồn cung cấp thông tin là bác sỹ chiếm 86,3%, nguồn cung cấp là y tá chiếm 3,8% [5], cao hơn nghiên cứu của tác giả Hồ Văn Thăng tại Bệnh viện Đa khoa Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An năm 2014 là 55,7% bệnh nhân nhận được nguồn cung cấp thông tin là bác sỹ, 39,8% từ điều dưỡng và 29,7% là từ các nguồn thông tin khác như sách, báo, đài, truyền hình... [6].

Kết quả tại bảng 3 cho thấy bệnh viện là địa điểm được người chăm sóc chọn để cung cấp thức ăn cho bệnh nhân với tỷ lệ cao nhất là 73,6%, sau đó là lựa chọn mang đồ ăn từ nhà với tỷ lệ 21,7% và chỉ có 4,7% sự lựa chọn là mua đồ ăn

ở quán ăn ngoài bệnh viện. Kết quả này trái ngược với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Khang tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương có tỷ lệ 10,9% trường hợp mua thức ăn tại căng tin bệnh viện, 24,2% trường hợp tự nấu hoặc mang từ nhà tới và 54,6% trường hợp bệnh nhân mua ngoài bệnh viện [5]. Theo nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình tỷ lệ bệnh nhân chọn nguồn cung cấp thức ăn tại bếp ăn bệnh viện là 19% năm 2014 và 34% năm 2015; năm 2014 có 64,7% trường hợp chọn nguồn cung cấp thức ăn là quán ăn xung quanh bệnh viện và năm 2015 tỷ lệ này là 49,7%. Riêng tỷ lệ bệnh nhân nấu thức ăn ở nhà mang đến viện trong cả hai năm không có sự thay đổi là 16,3% [2]. Như vậy, tỷ lệ lựa chọn bếp ăn bệnh viện để cung cấp bữa ăn cho bệnh nhân TBMMN đã tăng rõ rệt so với các năm trước.

Nhận xét về suất ăn được phục vụ tại bệnh viện, có 80% bệnh nhân hài lòng, trong đó có 84,6% bệnh nhân nam hài lòng và 82,7% bệnh nhân nữ hài lòng. Tỷ lệ này tương đương với nghiên cứu tại một bệnh viện Trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017 với tỷ lệ bệnh nhân hài lòng dao động từ 51,3% đến 98% và sự hài lòng có liên quan đến các khía cạnh của dịch vụ cung cấp suất ăn và các đặc điểm dân số của bệnh nhân (tuổi, giới, việc làm...) [7]. Điều này chứng tỏ công tác chăm sóc dinh dưỡng tại các bệnh viện đang được chú trọng và phát triển hơn trước.

Kết quả bảng 6 cho thấy 26,4% bệnh nhân được can thiệp ăn qua Sonde, 82,1% bệnh nhân được tiêm truyền chất dinh dưỡng, 59,4% bệnh nhân được uống sung vi chất và 1,9% bệnh nhân được thực hiện các can thiệp khác so với nghiên cứu của tác giả Trần Khánh Thu

có đề cập tới tỷ lệ can thiệp dinh dưỡng trên bệnh nhân tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình cụ thể: 29,8% bệnh nhân được truyền các chất dinh dưỡng và 74,5% bệnh nhân sử dụng các loại đa vi chất. Tỷ lệ can thiệp dinh dưỡng này trên bệnh nhân ở Bệnh viện Đa khoa Tân Kỳ, Nghệ An là 26,4% bệnh nhân được tiêm truyền chất dinh dưỡng, 40,6% trường hợp uống bổ sung đa vi chất, 0,4% chỉ định ăn qua Sonde [2, 6].

IV. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu thực trạng chăm sóc dinh dưỡng bệnh nhân tai biến mạch máu não cho thấy:

1. Kết quả nghiên cứu cho thấy có khoảng 96,2% bệnh nhân được hỏi tiền sử dinh dưỡng, 81,2% bệnh nhân được làm xét nghiệm đánh giá TTDD, 98,5% bệnh nhân được sàng lọc, đánh giá TTDD và 100% bệnh nhân được kết luận TTDD.

2. Tỷ lệ bệnh nhân hài lòng với suất ăn được phục vụ tại bệnh viện khá cao là 80%; Có 97,2% người chăm sóc bệnh nhân được tư vấn dinh dưỡng suốt quá trình nằm viện và 100% các trường hợp được nhắc chế độ ăn bệnh lý trong quá trình điều trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tô Thị Hải (2014). *Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Đa khoa huyện Tiên Hải năm 2014*. Luận văn Thạc sĩ Y tế công cộng. Trường Đại học Y Dược Thái

Bình.

2. Trần Khánh Thu (2017). *Thực trạng chăm sóc dinh dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình và kết quả can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh thận nhân tạo chu kỳ*. Luận án Tiến sĩ Y học. Trường Đại học Y Dược Hà Nội.
3. Tappenden, K. A., et al (2013). *Critical role of nutrition in improving quality of care: an interdisciplinary call to action to address adult hospital malnutrition*. JPEN J Parenter Enteral Nutr. 37(4), pp. 482-497.
4. Roberts, S., W. Chaboyer and B. Desbrow (2015). *Nutrition care-related practices and factors affecting nutritional intakes in hospital patients at risk of pressure ulcers*. J Hum Nutr Diet 28(4), pp. 357-365.
5. Nguyễn Văn Khang, Nguyễn Đỗ Huy (2013). *Thực trạng hiểu biết và thực hành dinh dưỡng của người chăm sóc bệnh nhân trong bệnh viện*. Tạp chí Y học thực hành 2013,8(878), 98-100.
6. Hồ Văn Thăng (2014). *Đánh giá tình trạng dinh dưỡng và các hoạt động chăm sóc bệnh nhân điều trị tại các khoa lâm sàng Bệnh viện Đa khoa huyện Tân Kỳ tỉnh Nghệ An*. Luận án Bác sĩ chuyên khoa II. Trường Đại học Y Dược Thái Bình.
7. Nguyễn Thành Luân, Phạm Hồng Ngọc, Trương Quang Bình, Lâm Vĩnh Niên, Lê Nguyễn Thùy Khanh (2018). *Hài lòng của người bệnh nội trú về dịch vụ cung cấp suất ăn của khoa Dinh dưỡng tại một Bệnh viện trường Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2017*. Tạp chí Y học Thành phố Hồ Chí Minh. 2018, 22(1), 44-49.

Summary**THE CURRENT SITUATION OF NUTRITION CARE FOR PATIENTS WHO WERE ON INPATIENT TREATMENT IN THAI BINH GENERAL HOSPITAL IN 2018-2019**

A cross-sectional study with various methods to collect data such as observing, assessing nutrition care activities and interviewing of 106 family members who took care of patients at the time of admission in the first 24 hours was conducted to describe the current situation of nutrition care for 133 stroke patients who were on inpatient treatment in Thai Binh General Hospital. The research was carried out from December 2018 to February 2019. The result showed that 96.2% of patients had been asked about nutritional history; 81.2% of patients had been lab tested for nutritional status; 98.5% of patients had been screened and assessed for nutritional status; 100% of patients had been concluded of nutritional status and 82.7% of patients had been satisfied with the meals served at the hospital.

Keywords: *Current situation of nutrition care; Stroke; Thai Binh General Hospital.*

